

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày: 28-11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu

2. Ông Trần Thành Hiệp

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Du Văn H, sinh năm: 1992, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp Bình T, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Du Văn T5, sinh năm 1971 (Đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1970; Chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 02 tháng 4 năm 2018 đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh T, tên gọi khác: Xụi, sinh năm: 1989, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp Bình T, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M, sinh năm 1963 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Anh em ruột: Có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng Biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T:* Bà Phạm Thanh Ái D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh An Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1, Lý Thường Kiệt, phường Mỹ B, TP Long X, tỉnh An Giang.

- *Bị hại:*

1/ Ông Trương Văn C, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

2/ Bà Lê Thị L1, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp An H, xã An H1, huyện C T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1970 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 21, Ấp Bình T, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1986 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình T, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 08/8/2017, sau khi nảy sinh ý định đi tìm tài sản để lấy trộm, Du Văn H đi bộ đến khu vực ấp An H, xã An H1, huyện C T, tỉnh An Giang, thấy trước nhà ông Trương Văn C có xe mô tô biển số 67K1-0954 đang dựng ở hàng ba trước sân nhà (nhà không có hàng rào), H quan sát không thấy có người trông giữ nên lén lút đến chỗ đậu xe, thấy chìa khóa xe còn trong ổ khóa, H lấy trộm xe sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 6 giờ 30 sáng ngày 08/8/2017 ông C phát hiện mất xe nên đến trình báo công an.

Đến khoảng 20 giờ ngày 18/8/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 67K1-0954 đến nhà Lê Thanh T (Thuộc Ấp Bình T, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang) thấy T đang uống rượu với Đ2 (không rõ địa chỉ), T rủ H uống rượu, H đồng ý và cùng uống rượu với T. Trong khi uống rượu, H cho T biết là xe trộm được và bán cho T với giá 3.000.000 đồng, T trả giá 2.000.000 đồng thì H đồng ý bán cho T. Sau khi bán xe cho T, H đến tỉnh BD sinh sống.

Đến ngày 19/8/2017, Công an huyện Châu P phát hiện T điều khiển xe mô tô biển số 67K1-0954 nên mời T về làm việc và thu giữ xe.

Tại Biên bản định giá tài sản số 81/NN.HĐ ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu T, tỉnh An Giang, kết luận: Xe mô tô biển số 67K1-0954, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh, số máy 0252521, số khung 252570, đã qua sử dụng, trị giá 8.000.000 (Tám triệu) đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Ngày 02/4/2018 và ngày 16/5/2018 H và T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T khởi tố bị can để điều tra xử lý.

Trong quá trình điều tra vật chứng thu giữ, gồm: Một xe mô tô biển số 67K1- 0954 nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh, xe đã qua sử dụng, số khung 252570, số máy 0252521 (Đã trao trả lại cho bị hại Trương Văn C)

Tại cáo trạng số 24/CT-VKSCT-HS ngày 16/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh An Giang truy tố:

- Bị cáo Du Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình Sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Lê Thanh T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Du Văn H và Lê Thanh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Trong quá trình điều tra, bị hại là ông Trương Văn C và bà Lê Thị L1 khai: Vào tối ngày 07/8/2017 ông C có dựng xe mô tô biển số 67K1-0954 của ông ở trước mái hiên nhà, sau đó ông đi ngủ nhưng quên dẫn xe lên nhà, chìa khóa xe vẫn còn trong ổ khóa xe, đến khoảng 7 giờ ngày 08/8/2017 khi ông C thức dậy thì phát hiện mất xe. Hiện nay ông đã nhận lại được xe, xe không bị hư hỏng gì nên ông C, bà L1 không có yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào cho ông bà, yêu cầu xử lý đối tượng trộm xe theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Bà Phạm Thị Đ khai: Bà là mẹ của bị cáo H, bà không biết việc H trộm xe và T mua xe của H. Sau khi biết sự việc bà đã trả cho T 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Đối với số tiền này bà cho H, bà không yêu cầu H trả lại cho bà.

Người làm chứng - ông Lê Thanh T1 khai: Ông là anh ruột của bị cáo T, lúc trước bị cáo H có mượn của ông 100.000 đồng, H mượn tiền ông là để mua thuốc hút, sau đó H đi mất, cho đến nay H chưa trả số tiền này cho ông. Việc T mua xe của H ông không biết. Về nhân thân của T thì từ trước đến nay T chưa có tiền án, tiền sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm, đồng thời phát biểu quan điểm luận tội, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

- + Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Du Văn H mức án tù 09 (Chín) tháng đến 01 năm 3 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- + Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, điểm s khoản

1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thanh T mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 1 năm cải tạo không giam giữ về tội “*Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có*”.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại là ông Trương Văn C và bà Lê Thị L1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo H bồi thường, nên không đề nghị xem xét.

+ Bị cáo H đã trả cho bị Cáo T 2.000.000 đồng (Do bà Phạm Thị Đ trả thay) và T không yêu cầu H phải bồi thường thêm, nên không đề nghị xem xét

- Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không đề nghị xem xét.

Ngoài ra:

- Năm 2016, H trộm xe gắn máy không rõ biển số, loại xe Wave màu xanh. Sau đó, H điều khiển xe đến thành phố Hồ Chí M bán cho một người đàn ông lạ mặt được 1.000.000 (Một triệu) đồng. Do xe không rõ biển số và không xác định được địa điểm lấy trộm nên không xác định được bị hại, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công An huyện Châu T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

- Năm 2017, H thực hiện hành vi trộm 02 xe mô tô không rõ biển số (Loại xe Sirius và xe Wave màu xanh) ở khu vực Kênh 7 và Kênh 8 thuộc huyện Châu P, tỉnh An Giang. Sau khi lấy trộm xong thì bị Công an xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang phát hiện và thu giữ. Về hành vi này, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu T đã có Công văn số 25 ngày 17 tháng 9 năm 2018 thông báo cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu P để tiến hành điều tra xử lý theo thẩm quyền.

- Ngày 18 tháng 3 năm 2018, H có hành vi lấy trộm xe gắn máy biển số 67AC-010.30 tại nhà của bà Lê Thị T3, thuộc ấp Bình Q, xã Bình P, huyện Châu P, tỉnh An Giang. Ngày 19 tháng 3 năm 2018, Công an và Cán bộ tài chính xã Bình P có Biên bản định giá tài sản và kết luận xe gắn máy biển số 67AC-010.30 trị giá 1.200.000 (Một triệu hai trăm ngàn) đồng. Cùng ngày, Công an xã Bình P ra Quyết định xử phạt hành chính đối với H về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với hành vi này, xét thấy việc định giá xe gắn máy biển số 67AC - 010.30 của Công an và Cán bộ tài chính xã Bình P không đúng quy định pháp luật, nên ngày 16 tháng 8 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu T, tỉnh An Giang đã có Công văn số 24 gửi cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu P kiến nghị ra yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu P, định giá xe gắn máy biển số 67AC -010.30 và điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Quan điểm bào chữa cho bị cáo T của bà Phạm Thanh Ái D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh An Giang: Việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Bản thân bị cáo là người khuyết tật, gia đình thuộc diện hộ nghèo của địa phương, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, về nhân

thân chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối lỗi sâu sắc và bị cáo có Đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T mức án 6 tháng cải tạo không giam giữ và cho bị cáo được miễn án phí hình sự.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này bị hại là ông Trương Văn C và bà Lê Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

Tuy hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nhưng tính đến ngày mở phiên tòa là ngày 28/11/2018 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có hiệu lực ngày 01/01/2018. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều luật mới và các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo và giải quyết các vấn đề khác trong vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Trong quá trình điều tra và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, các Biên bản về hoạt động điều tra, kết luận định giá, biên bản thu giữ và xử lý vật chứng và những chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 08/8/2017, bị cáo Du Văn H đã có hành vi lợi dụng vào lúc trời tối, không có người trông giữ tài sản lên lút lấy trộm tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 67K1-0954, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu

xanh của ông Trương Văn C để trước hiên nhà, qua định giá có giá trị là 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Đối với bị cáo Lê Thanh T, tuy không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 67K1-0954 là tài sản do bị cáo H trộm mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Do đó, đã đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Du Văn H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017) và hành vi của bị cáo Lê Thanh T đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi bổ sung năm 2009)

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của cá nhân, tổ chức sẽ được xử lý kịp thời, nghiêm minh.

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là trái pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm, nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra để cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận xã hội.

Đối với bị cáo Du Văn H xuất thân từ thành phần lao động nghèo, lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động chân chính để phụ giúp gia đình và nuôi sống bản thân, nhưng xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, bị cáo ăn chơi liêu lỏng lại muốn có tiền tiêu xài, đã lợi dụng lúc đêm khuya, lúc bị hại mất cảnh giác, không trông giữ tài sản, lén lút lấy trộm xe mô tô của bị hại và sau đó mang đi bán cho T để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Thanh T, tuy không hứa hẹn trước việc mua xe của H, nhưng trách nhiệm là công dân khi phát hiện xe do H trộm mà có, bị cáo phải động viên H mang xe trả lại cho chủ sở hữu hoặc trình báo với chính quyền địa phương để xử lý, góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhưng, vì muốn mua tài sản với giá rẻ để sử dụng và lấy phụ tùng xe thay cho xe của bị cáo, nên khi nghe H nói trộm được xe và kêu bán thì T đồng ý mua ngay với giá 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã tiếp sức cho tội phạm tiêu thụ được tài sản trộm nên cũng cần phải có mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhưng thấp hơn mức án của bị cáo H là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo T, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo bị tật 1 chân, thuộc hộ nghèo và không có việc làm, thu nhập ổn định, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, nên áp dụng Điều 36 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, cũng đủ mức giáo dục, răn đe đối với bị cáo và không khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo H và bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với:

- Năm 2016, H có hành vi lấy trộm xe gắn máy nhưng không rõ biển số và không rõ địa điểm phạm tội nên không xác định được bị hại, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công An huyện Châu T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

- Năm 2017, H lấy trộm 02 xe mô tô trên địa bàn huyện Châu P, tỉnh An Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu T đã Công văn số 25 ngày 17 tháng 9 năm 2018 Thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu P để tiến hành điều tra xử lý theo thẩm quyền.

- Ngày 18/3/2018, H lấy trộm xe gắn máy biển số 67 AC- 010.30 tại nhà của Bà Lê Thị T3, thuộc ấp Bình Q, xã Bình P, huyện Châu P, tỉnh An Giang, do việc định giá xe gắn máy biển số 67AC -010.30 của Công an xã Bình P và Cán bộ tài chính xã Bình P không đúng quy định pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu T, tỉnh An Giang đã có Công văn gửi cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu P kiến nghị ra yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu P, định giá xe gắn máy biển số 67AC -010.30 và điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[6] Biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Trương Văn C và bà Lê Thị L1 đã nhận lại xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 67K1-0954 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm; Bà Phạm Thị Đ trình bày về số tiền 2.000.000 đồng bà trả cho bị cáo T thay cho bị cáo H thì bà không yêu cầu bị cáo H phải trả lại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Xử lý vật chứng trong vụ án: Vật chứng trong vụ án đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Lời bào chữa của bà Phạm Thanh Ái D – Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T được hội đồng xét xử xem xét trong lúc Nghị án.

[8] Về Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng, bị cáo T có Đơn xin miễn án phí do thuộc hộ nghèo nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 miễn án phí cho bị cáo T.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Du Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Lê Thanh T (Xụi) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Du Văn H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2018.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thanh T (Xụi) cho Ủy ban nhân dân xã Bình L, huyện Châu P để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Bị cáo T không phải bị khấu trừ một phần thu nhập.

- Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016;

Buộc bị cáo Du Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thanh T

- Về Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA – TAND tỉnh An Giang;
- CQ CSĐT Công an huyện Châu T;
- Chi cục THA.DS huyện Châu T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Trinh